

CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

MÃ CHỨNG KHOÁN: MEC

NĂM BÁO CÁO: NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Someco Sông Đà tiền thân là Xí nghiệp cơ khí lắp máy số 1 và Xí nghiệp cơ khí lắp máy số 2 thuộc Công ty Sông Đà 11. Tháng 2/2004 được tách ra từ Công ty Sông Đà 11 thành lập Công ty cơ khí lắp máy Sông Đà là đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty Sông Đà

Tháng 11/2005, Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà được thành lập theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15/11/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

2. Thông tin về Công ty:

Tên tiếng việt: Công ty CP Someco Sông Đà

Tên tiếng Anh: SongDa SOMECO Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SOMECO., JSC

Biểu trưng:



Trụ sở chính: Số 47/115 Nguyễn Khang, phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 04.3783.2398

Fax: 04.3783.2397

Website: WWW.Someco.com.vn

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty số 5400240573 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 11 năm 2010

Ngành, nghề kinh doanh:

- Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;

- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Sản xuất, mua bán khí ôxy;
- Vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất; kinh doanh điện khác;
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thuỷ lợi và thuỷ điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Nhận uỷ thác đầu tư của tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm, hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điều khiển phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện – điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây truyền công nghệ công nghiệp.

3. Định hướng phát triển:**a. Định hướng**

- Xây dựng và phát triển Công ty thành một đơn vị mạnh, đa ngành nghề, trong đó lấy nghề cơ khí chế tạo và lắp máy làm chủ đạo để xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Phát triển nghề chế tạo cơ khí và lắp máy trở thành một trong các ngành nghề mũi nhọn của Tập đoàn Sông Đà.
- Trở thành nhà thầu EPC mạnh trong lĩnh vực: Thiết kế chế tạo, cung cấp và lắp đặt toàn bộ hệ thống thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị nâng thủy lực, cầu trục chân dè, cầu trục gian máy và lắp đặt thiết bị cơ điện của các nhà máy thủy điện; Chế tạo và lắp đặt các thiết bị của nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng và các công trình công nghiệp khác.
- Nghiên cứu đầu tư và hợp tác đầu tư phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới nhằm phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín, xây dựng và phát triển thương hiệu “Someco Sông Đà” trở thành một thương hiệu mạnh, nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường.

b. Mục tiêu đến năm 2015:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKD bình quân hàng năm đạt từ 10-15%
- Tỷ lệ cổ tức hàng năm đạt trên 15%
- Giá trị đầu tư bình quân hàng năm: 30,0 tỷ đồng

c. Cơ cấu ngành nghề năm 2015

- Tỷ trọng giá trị SXKD xây lắp và lắp đặt thiết bị chiếm 24% trong tổng giá trị SXKD.
- Tỷ trọng giá trị SXKD sản phẩm công nghiệp chiếm 74% trong tổng giá trị SXKD.
- Tỷ trọng giá trị SXKD dịch vụ chiếm 2% trong tổng giá trị SXKD.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá tình hình hoạt động chung của Công ty trong năm 2010:**

Năm 2010 nền kinh tế Việt Nam đang rất khó khăn sau một thời gian dài khủng hoảng. Sự biến động về tỷ giá, lãi suất cùng với giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thế giới tăng vọt đã tác động không nhỏ đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và SOMECO nói riêng. Trước tình hình đó với Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động đã đoàn kết vượt qua mọi khó khăn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đề ra.

- Năm qua riêng lĩnh vực xây dựng thủy điện SOMECO tham gia thực hiện tổng cộng 30 công trình ở nhiều địa bàn trên cả nước và ở nước ngoài với tổng công suất 1.250 MW; trong đó các nhà máy có công suất lớn như Nậm Chiến 200 MW, Xêkaman 3 là 250 MW, Xêkaman 1 là 320 MW. Hầu hết các công trình SOMECO đều thực hiện đồng bộ từ thiết kế, chế tạo, cung cấp thiết bị, lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị, hướng dẫn vận hành và đưa vào sử dụng. Do những ảnh hưởng

đã nói ở trên nên năm 2010 khối lượng thực hiện của đơn vị nhất là khối lượng lắp máy giảm 60% mà lý do chính là những khó khăn về tài chính đã làm ảnh hưởng đến toàn bộ từ Chủ đầu tư, các nhà thầu thiết kế, xây dựng... dẫn đến mặt bằng cần cho công tác lắp máy bị chậm, không có. Tuy nhiên với tinh thần đoàn kết, gắn bó cùng với sự cố gắng miệt mài của tập thể CBCNV và sự ủng hộ, giúp đỡ của Tập đoàn Sông Đà cùng các đơn vị bạn, đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2010 theo kế hoạch đề ra.

- Mặt khác năm 2010 cũng là năm đánh dấu sự phát triển của đơn vị về cả bề rộng lẫn chiều sâu và điều này thể hiện cụ thể như chúng ta đã khép kín công nghệ sản xuất cơ khí lắp máy từ khâu thiết kế - chế tạo, cung cấp – lắp máy – thí nghiệm, hiệu chỉnh – hướng dẫn vận hành – bàn giao sử dụng; đó là số lượng các công trình đã hoàn thành, bàn giao với chất lượng, tiến độ thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2010 HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác hàng quý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời một số văn bản quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Những công việc khó khăn, các công trình trọng điểm, những công việc gấp rút Hội đồng quản trị Công ty đều chủ động ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời để tạo điều kiện cho công tác điều hành thực hiện.

*** Công tác tổ chức và sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:**

- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2010
- Chuyển toàn bộ Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh về Đà Nẵng để tiết kiệm chi phí quản lý, tận dụng nguồn nhân lực máy móc, tạo điều kiện chủ động trong công tác điều hành quản lý tại dự án Xêkaman 3 và các dự án khác tại khu vực miền Trung.
- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tế điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2010 và các qui định của pháp luật (Bổ xung việc đầu tư vốn của Công ty vào các doanh nghiệp khác, mối quan hệ của Công ty với các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty v.v...) theo đúng tinh thần nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã đề ra.
- Kiên quyết xử lý kỷ luật đối với các CBCNV vi phạm kỷ luật, buông lỏng công tác quản lý dẫn đến tai nạn chết người, hư hỏng thiết bị v.v.... cũng như khen thưởng kịp thời đối với CBCNV có thành tích trong lao động SXKD.

- Chuyển đổi chi nhánh Công ty CP SOMEKO Sông Đà tại Hoà Bình thành Công ty cổ phần SOMEKO Hoà Bình có số vốn điều lệ do Công ty chiếm chi phối từ 51% với số vốn góp là 7,65 tỷ đồng
- Chuyển đổi chi nhánh công ty tại Hà Nội - Trung tâm tư vấn thiết kế sang hoạt động theo mô hình công ty TNHH 1 thành viên tư vấn thiết kế SOMEKO với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng
- Thành lập mới công ty TNHH 1 thành viên kỹ thuật công nghệ SOMEKO do công ty CP SOMEKO Sông Đà làm chủ sở hữu với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng

*** Công tác kinh tế kế hoạch - tài chính, đầu tư**

- Hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ của công ty từ 40 tỷ lên 70 tỷ. Chi trả cổ tức năm 2010 cho các cổ đông
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các ngân hàng truyền thống đảm bảo nguồn vốn vay phục vụ nhu cầu SXKD và các dự án đầu tư.
- Tranh thủ chính sách ưu đãi đầu tư, kích cầu của chính phủ, HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành đẩy mạnh công tác đầu tư vào các dự án do công ty làm chủ đầu tư như dự án nâng cao năng lực, dự án nhà máy chế tạo cơ khí tại Đà Nẵng, dự án thủy điện Nậm Ly, Bắc Giang. Rà soát lại toàn bộ các trang thiết bị máy móc hiện có của đơn vị, cân đối với nhu cầu của đơn vị tiến hành đầu tư có trọng điểm phù hợp với nhu cầu của đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

*** Xây dựng và ban hành các qui định, qui chế phân cấp quản lý**

- Tiếp tục phát huy những việc đã thực hiện trong 2009, trên cơ sở các yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của đơn vị. Hội đồng quản trị công ty đã sửa đổi, ban hành mới một số qui chế như: qui chế quản lương, qui chế khoán chi phí phục vụ thi công công trình, Quy chế quản lý và phân cấp đầu tư v.v.... phù hợp với điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật
- Kịp thời ban hành các chỉ thị, giao nhiệm vụ cho bộ máy điều hành thực hiện những mục tiêu mà đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã quyết định

2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

Năm 2010, căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua. Ban Tổng giám đốc đã điều hành triển khai thực hiện mục tiêu, phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm qua còn nhiều khó khăn do hậu quả cuộc khủng hoảng, song cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty cổ phần Someco Sông Đà đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, kết quả cụ thể:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện năm 2010			Tỷ lệ % HT
				Tổng cộng	Công ty mẹ	Công ty con	
1	Tổng giá trị SXKD	10⁹đ	436,87	444,14	364,16	79,98	102%
2	Kế hoạch tài chính						
	<i>Doanh số</i>	<i>10⁹đ</i>	<i>437,94</i>	<i>475,40</i>	<i>382,12</i>	<i>72,65</i>	<i>109%</i>
	<i>Doanh thu</i>	<i>10⁹đ</i>	<i>405,52</i>	<i>418,04</i>	<i>352,00</i>	<i>66,04</i>	<i>103%</i>
	<i>Nộp nhà nước</i>	<i>10⁹đ</i>	<i>18,08</i>	<i>28,97</i>	<i>22,63</i>	<i>6,34</i>	<i>160%</i>
3	Lợi nhuận	10⁹đ	24,98	28,41	26,55	1,85	114%
	<i>Tỷ suất LN/DT</i>	<i>%</i>	<i>6,16</i>	<i>6,8</i>	<i>7,54</i>	<i>2,81</i>	
	<i>Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)</i>	<i>%</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>		
4	Lao động và tiền lương						
	<i>Tổng số CBCNV BQ sử dụng</i>	<i>Người</i>	<i>1.533</i>	<i>1.333</i>	<i>699</i>	<i>634</i>	<i>87%</i>
	<i>Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng</i>	<i>10³đ</i>	<i>4.100</i>	<i>4.460</i>	<i>4.460</i>	<i>4.460</i>	<i>108%</i>
5	Giá trị đầu tư	10⁹đ	345,0	285,79	78,79	207,00	83%
6	Khối lượng thi công						
	<i>Chế tạo thiết bị</i>	<i>Tấn</i>	<i>6.937</i>	<i>7,409</i>	<i>6,957</i>	<i>452</i>	<i>107%</i>
	<i>Lắp đặt thiết bị</i>	<i>Tấn</i>	<i>14.659</i>	<i>6,157</i>	<i>5,403</i>	<i>754</i>	<i>42%</i>

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh bộ máy điều hành đã tuân thủ đầy đủ các chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác tài chính, kỹ thuật, chất lượng các công trình. Cũng như sự chỉ đạo, chiến lược của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra.

5. Kế hoạch của Hội đồng quản trị Công ty năm 2011

* Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện chiến lược phát triển công ty mẹ cho phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn. Chỉ đạo các công ty con xây dựng chiến lược kinh doanh của đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ.
- Ổn định trụ sở làm việc của Công ty tại tòa nhà HH4- khu đô thị mới Mỹ Đình - Hà Nội. Thành lập Chi nhánh Miền Nam để thi công các công trình Nhiệt điện Long phú 1,2,3 và Nhiệt điện Sông Hậu. Xây dựng nhà máy Cơ khí chế tạo Nam Hà và chuyển trụ sở Chi nhánh Quảng Ninh về Hà Nam để ổn định, nâng cao chất lượng các sản phẩm chế tạo và để chuẩn bị cho việc thi công các dự án Nhiệt điện ở khu vực phía bắc như: Thái Bình 2, Quảng Trạch, Quỳnh Lập...
- Kien toàn bộ máy điều hành ở các Công ty con và các Chi nhánh sao cho hiệu quả trong điều hành, gọn nhẹ và tiết kiệm chi phí quản lý.
- Tiếp tục bổ sung và sửa đổi một số qui chế qui định để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành SXKD của Công ty cho phù hợp với tình hình phát triển trong giai đoạn mới (giai đoạn tái cấu trúc Tập đoàn).

- Tăng cường xem xét việc tổ chức bộ máy quản lý chi đạo thi công tại các công trường trọng điểm kể cả về lượng và chất để trở thành đơn vị cơ khí và lắp máy chuyên nghiệp.
- Đưa bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO đến từng công trường, từng đội và quản lý kiểm soát theo hệ thống đó.
- Mở rộng mạng lưới quảng bá thương hiệu. Tham gia các câu lạc bộ doanh nhân hay các hiệp hội ngành hàng là cách xây dựng hiệu quả các mối quan hệ, qua đó mở rộng quan hệ và hiểu biết lẫn nhau. Từ đó đưa ra các chính sách tiếp thị hợp lý.

*** Công tác quản lý Tài chính, Kinh tế - Kế hoạch – Đầu thầu:**

- Đảm bảo đủ vốn đối ứng và đẩy nhanh tiến độ thi công tại các dự án thủy điện Bắc Giang 1, thủy điện Nậm Ly để phát điện 2 dự án này vào giữa năm và cuối năm 2011. Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư thêm một số dự án thủy điện nếu xét thấy thực sự hiệu quả và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ lên 154 tỷ đồng.
- Tăng cường công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ đặc biệt là tại các công trình có công nợ và khối lượng dở dang lớn như các công trình của C/ty CP thủy điện Tây Bắc, Thủy điện Tuyên Quang, Sử pán 2, nhà máy xi măng Hạ Long, Nậm chiến 1, Xêkaman3, Yan Tann Sien ... Một mặt cần nhanh chóng triển khai giải quyết các tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, công nợ, đơn giá, định mức, tổng dự toán với các chủ đầu tư.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, phòng ban để tổ chức hoàn thiện hồ sơ từ khâu kỹ thuật, kinh tế, tài chính để giải quyết kịp thời các vướng mắc về định mức đơn giá, dự toán ... với Chủ đầu tư và nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ đặc biệt là tại các công trình như Xêkaman 3, Nhà máy xi măng Hạ Long, và thủy điện Nậm Chiến ...
- Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài chuyên cung cấp máy móc thiết bị đồng bộ trong ngành cơ khí, các thiết bị nâng hạ thủy lực, để đầu tư dây chuyền sản xuất, bước đầu tham gia vào một hoặc một số công đoạn trong việc chế tạo sản phẩm, từng bước làm chủ công nghệ và tiến tới sản xuất độc lập.
- Tận dụng thị trường vốn: Tận dụng khả năng lãi xuất cho vay của các tổ chức tài chính tín dụng hạ để đảm bảo tài chính cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của đơn vị. Xúc tiến nhanh, mạnh mẽ để có cam kết tài trợ vốn cho các dự án từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Đồng thời với việc tăng vốn điều lệ qua việc phát hành thêm cổ phiếu và sử dụng các hình thức huy động vốn khác như: thuê mua tài chính, phát hành trái phiếu, tiếp cận các quỹ trong và ngoài nước.
- Hợp tác cùng các công ty khác có cùng thị trường nhưng khác về sản phẩm dịch vụ. Nhằm thu hút một lượng khách hàng nhất định sẵn có của công ty đối tác.

*** Công tác đầu tư**

- Đối với công tác đầu tư cần nghiên cứu và xem xét kỹ đặc biệt với công tác đầu tư theo chiều sâu nhằm chuyên nghiệp hóa từng công đoạn sản xuất để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ đáp ứng tiến độ.

- Cần đẩy mạnh đầu tư trong năm 2011 các dự án như:
- + Đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí cố định làm trung tâm chế tạo với các điều kiện chuẩn, trong đó chú trọng đầu tư chiều sâu cho từng loại hình công nghệ. Việc đầu tư này gắn với đầu tư nhà ở cho CBCNV tạo điều kiện cho CBCNV và gia đình an cư, gắn bó với tập thể SOMEKO.
- + Đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng, trình độ chuyên môn và văn hóa doanh nghiệp. Trong đó chú trọng việc đào tạo tại chỗ để đảm bảo trình độ đầu vào và để làm cơ sở đảm bảo cho đầu ra.
- + Đầu tư vào dự án BĐS phục vụ cho nhu cầu nhà ở của chính CBCNV tại các khu vực mà đơn vị SOMEKO có trụ sở tạo điều kiện cho CBCNV và gia đình an cư, gắn bó với tập thể SOMEKO.
- Chú ý thử nghiệm các ý tưởng mới như: Hoàn chỉnh tận gốc các bước công nghệ xây lắp của mình ở tất cả các khâu từ khâu thiết kế đến kết nối thiết bị, bàn giao thiết bị bằng công nghệ tiên tiến.
- + Xúc tiến nhượng quyền thương mại (thương hiệu) để SXKD các SP cơ khí nhỏ phục vụ cho các ngành công nghiệp khác.
- + Thiết kế chế tạo cần trục tháp có tải trọng nâng max đến 20-30T.
- Hoàn thành việc lập thiết kế bản vẽ thi công chi tiết, lập tổng mức đầu tư, lập dự toán chi tiết các hạng mục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng chung cư cho cán bộ công nhân viên tại chi nhánh Miền Trung.
- Chuẩn bị tốt nguồn vốn chi trả và lên hoàn thiện phương án thiết kế nội thất văn phòng công ty tại tòa nhà HH4 của Tập đoàn Sông Đà. Tiến hành hoàn thiện ngay khi có thiết kế được tập đoàn thông qua.
- Đẩy nhanh công tác lập dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí tại khu công nghiệp Đồng Văn tỉnh Hà Nam. Chuẩn bị nguồn vốn triển khai thực hiện ngay khi có quyết định phê duyệt dự án và cấp phép đầu tư.

*** Công tác sản xuất kinh doanh**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011		
			Tổng cộng	Công ty mẹ	C.ty con, C.ty liên kết
A	KẾ HOẠCH SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10⁹ đ	544,74	281,88	262,86

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011		
			Tổng cộng	Công ty mẹ	C.ty con, C.ty liên kết
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁹ đ	294,61	175,21	119,40
2	SXKD công nghiệp	10 ⁹ đ	222,46	106,67	115,79
3	Dịch vụ TVTK, TNHC	10 ⁹ đ	27,67	-	27,67
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	10⁹ đ			
1	Doanh số bán hàng	10 ⁹ đ	559,62	299,04	260,58
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	509,80	272,91	236,89
3	Tổng chi phí	10 ⁹ đ	464,54	241,86	222,68
4	Lợi nhuận	10 ⁹ đ	45,26	31,05	14,21
5	Nộp ngân sách	10 ⁹ đ	30,60	17,10	13,50
6	Tỷ suất lợi nhuận				
	Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	%	8,88	11,38	6,00
	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn CSH	%	9,62	11,51	7,32
	ROA - thu nhập/ Tổng tài sản	%	3,65	5,31	22,28
	Tỷ suất lợi nhuận/ VDL	%	12,80	18,90	7,90
7	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	332,00	154,00	178,00
8	Vốn Chủ sở hữu	10 ⁹ đ	430,26	236,04	194,21
9	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	1.133,67	511,18	622,49
10	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH		1,63	1,17	2,21
11	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức	%		15,00	
III	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	10⁶ đ			
1	Tổng số CBCNV BQ sử dụng	Người	1.763	845	918
2	Thu nhập BQ 1 CBCNV/năm	10 ⁶ đ	54,1	54,1	54,1
IV	ĐẦU TƯ	10⁹ đ	444,90	168,00	276,90
1	Công ty mẹ (SOMEKO Sông Đà)	10 ⁹ đ	168,00	168,00	
2	Các công ty con	10 ⁹ đ	276,90		276,90

*** Mục tiêu tiến độ, khối lượng công trình năm 2011**

Hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị cơ điện, hòa lưới điện Quốc gia và bàn giao các nhà máy thủy điện:

- Phát điện vào quý II/2011 các nhà máy: Thủy điện Sử Pán 2; Thủy điện Nậm Ly1; Thủy điện Hồ Bốn; Thủy điện Sông Chưং
- Phát điện vào quý III/2011 các nhà máy: Thủy điện Nậm Khánh; Thủy điện Trà Xom.
- Phát điện vào quý IV/2011 các nhà máy: Thủy điện Bắc Giang; Thủy điện Yatansien; Thủy điện Nậm Chiến; Thủy điện Xekaman3.

Công trình thủy điện Nậm Chiến:

- Hoàn thành công tác lắp đặt 4.486 tấn thiết bị đường ống áp lực.
- Hoàn thành công tác cung cấp, lắp đặt xong cầu trục chân dê, cầu trục gian máy và toàn bộ thiết bị CKTC đảm bảo tiến độ chung của công trường.
- Lắp đặt hơn 3.000 tấn thiết bị cơ điện nhà máy đảm bảo mục tiêu tiến độ chung của công trình.

Công trình thủy điện Bắc Giang:

- Hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt thiết bị CKTC bao gồm 523 tấn thiết bị đập tràn, 194 tấn cửa nhận nước và 47 tấn hạ lưu nhà máy.
- Lắp đặt 426 tấn thiết bị cơ điện, thí nghiệm hiệu chỉnh hòa lưới điện Quốc gia tổ máy 1 và 2 vào cuối quý IV/2011.

Công trình thủy điện Tà Thàng:

- Lắp đặt 955 tấn thiết bị CKTC bao gồm 763 tấn thiết bị đập tràn, 108 tấn thiết bị cửa nhận nước, 40 tấn thiết bị hạ lưu nhà máy và 32,5 tấn thiết bị cống dẫn dòng.
- Hoàn thành công tác lắp đặt 610 tấn đường ống áp lực.

Công trình thủy điện Khe Bó:

- Hoàn thành công tác lắp đặt 1.641 tấn thiết bị CKTC bao gồm 1.300 tấn thiết bị đập tràn và 192 tấn thiết bị hạ lưu nhà máy và 149 tấn thiết bị cầu trục chân dê.

Công trình thủy điện Yan Tann Sien:

- Lắp đặt hoàn thiện 1.657 tấn đường ống áp lực và thiết bị 130 tấn thiết bị CKTC.
- Lắp đặt 301 tấn thiết bị cơ điện.

Công trình thủy điện Xekaman 3:

- Cung cấp và lắp đặt xong thiết bị nâng thủy lực và cầu trục gian máy.
- Lắp đặt 2.875 tấn thiết bị đường ống áp lực.

- Lắp đặt hơn 1.015 tấn thiết bị cơ điện nhà máy.

Công trình thủy điện Đak Drink:

- Chế tạo và lắp đặt thiết bị CKTC 1.012 tấn và 475 tấn đường ống áp lực.

Công trình thủy điện Nậm Ly 1:

- Hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt thiết bị CKTC bao gồm 130 tấn thiết bị ĐÔAL, hạ lưu nhà máy và cầu trục gian máy.
- Lắp đặt 120 tấn thiết bị cơ điện, thí nghiệm hiệu chỉnh hòa lưới điện Quốc gia tổ máy 1 và 2 vào cuối quý II/2011.

Các công trình khác:

Chuẩn bị nhân lực, thiết bị thi công công trình thủy điện Đồng Nai2, thủy điện Minh Lương; thủy điện Sông Chảy 5 và nhiệt điện Vũng Áng.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGÀY 31.12.2010 SAU KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	359.380.483.668	359.826.628.139
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	36.196.879.083	12.755.661.284
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	238.925.886.430	154.763.627.389
4	Hàng tồn kho	71.374.056.996	180.016.467.927
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.883.661.159	12.290.871.539
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	152.745.009.580	113.167.856.852
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	51.301.633.216	58.847.022.170
	- Tài sản cố định hữu hình	33.702.831.060	28.406.362.446
	- Tài sản cố định vô hình		100.000.012
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.598.802.156	30.340.659.712
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	92.627.300.000	53.811.300.000
5	Tài sản dài hạn khác	8.816.076.364	509.534.682
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	512.125.493.248	472.994.484.991

IV	NỢ PHẢI TRẢ	386.811.261.386	395.325.745.560
1	Nợ ngắn hạn	365.865.000.567	374061369799
2	Nợ dài hạn	20.946.260.819	21.559.777.317
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	125.314.231.862	77.668.739.431
1	Vốn chủ sở hữu	125.314.231.862	77.373.337.875
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000	40.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	12.027.182.727
	Quỹ đầu tư phát triển	18.717.600.959	10.816.198.307
	Quỹ dự phòng tài chính	2.051.918.583	1.163.600.780
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.617.535.093	13.366.356.061
	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	512.125.493.248	472.994.484.991

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2010***Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	373.475.720.790	338.477.436.217
2. Các khoản giảm trừ	02		512.946.328
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	373.475.720.790	337.964.489.889
4. Giá vốn hàng bán	11	300.967.017.013	288.966.523.378
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	72.508.703.777	48.997.966.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.711.047.754	2.316.563.443
7. Chi phí tài chính	22	30.081.652.012	4.461.211.225
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29.681.568.370	29.043.706.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	22.456.531.149	17.809.612.466
11. Thu nhập khác	31	4.029.609.885	2.896.972.610

12. Chi phí khác	32	311.689.692	466.933.412
13. Lợi nhuận khác	40	3.717.920.193	2.430.039.198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26.174.451.342	20.239.651.664
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	3.556.916.249	2.473.295.603
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22.617.535.093	17.766.356.061

IV. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

1. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*** Đơn vị kiểm toán độc lập:**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ trụ sở chính: 229 Đường Đồng Khởi - Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh;

Chi nhánh tại Hà Nội: 40 Giảng Võ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại tại Hà Nội: (04) 3736.7879, Fax: (04) 3736.7969

Website: www.auditconsult.com.vn

*** Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty CP Someco Sông Đà (Số 36/2011/BCTC – KTTV – KT4 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ngày 03/03/2011):**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

Năm 2010, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chú trọng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông góp phần làm cho việc điều hành, giám sát triển khai thực hiện dự án và tình hình tài chính luôn lành mạnh. Trên cơ sở về thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc và các phòng nghiệp vụ Công ty cung cấp theo quy định. Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra giám sát trong năm 2010 như sau:

2.1 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các phòng nghiệp vụ Công ty đã cung cấp theo quy định:

- Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2010, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên ban kiểm soát.
- Thực hiện kiểm tra rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. một số văn bản quản lý có những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình thực tế của Công ty, đề nghị Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng và ban hành lại cho phù hợp.
- Kiểm tra các Tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty; trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện kiểm soát ngay trong giai đoạn Tổng giám đốc trình và trước khi Hội đồng quản trị phê duyệt các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty tạo điều kiện cho

Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công .

- Hàng quý thực hiện thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty và các đơn vị trực thuộc; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo.
- Phối hợp với Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết để kiểm soát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này. Nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết.
- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty năm 2010; Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty năm 2010, Báo cáo tài chính năm 2010, xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành.
- Giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

2.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2010

Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty:

- Trong năm 2010 các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông của Công ty.
- Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát sao công tác điều hành Công ty. Chỉ đạo quản lý đều dựa vào Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời một số văn bản quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên Hội đồng quản trị, có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và được Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

Nhìn ở góc độ tổng thể thì năm 2010 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã thực hiện tốt các hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Kết quả thẩm định báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty

Sau khi thẩm định báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo của HĐQT, trong năm 2010 hầu hết các công trình SOMEKO tham gia thi công đều đảm bảo kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành các mục tiêu, tiến độ tại các công trình trọng điểm. Đảm bảo việc làm thường xuyên cho CBCNV với thu nhập bình quân một tháng của một CBCNV là 4,371 triệu đồng tăng 15% so với năm 2009 (với giá trị tuyệt đối là 570.000 đồng/người/tháng). Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2010 (theo số liệu báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán) như sau:

T T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Trong đó Công ty mẹ	TL % HT	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4=2/1	
1	Tổng giá trị SXKD	10⁹đ	436,87	443,45	392,20	102%	
2	Kế hoạch tài chính						
	<i>Doanh thu</i>	<i>10⁹đ</i>	<i>405,52</i>	<i>425,68</i>	<i>387,22</i>	<i>105%</i>	
	<i>Nộp nhà nước</i>	<i>10⁹đ</i>	<i>18,08</i>	<i>23,72</i>	<i>17,38</i>	<i>131%</i>	
3	Lợi nhuận trước thuế	10⁹đ	24,98	28,19	26,17	113%	
	<i>Tỷ suất LN/Vốn điều lệ</i>	<i>%</i>	<i>35,68</i>		<i>37,3</i>		
	<i>Tỷ suất LN/Doanh thu</i>	<i>%</i>	<i>6,16</i>		<i>6,76</i>		
4	Lao động và tiền lương						
	<i>Tổng số CBCNV BQ sử dụng</i>	<i>Người</i>	<i>1.530</i>	<i>1333</i>	<i>699</i>	<i>87%</i>	
	<i>Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng</i>	<i>10³đ</i>	<i>4,10</i>		<i>4,371</i>	<i>107%</i>	
5	Giá trị đầu tư	10⁹đ	117,12	281,94	79,39		

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của công ty năm 2010

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cũng như cách trình bày tổng

thể Báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, phương pháp xác định giá vốn hàng bán, các ước tính kế toán như khấu hao tài sản cố định, phân bổ quỹ lương, phân bổ công cụ, dụng cụ ..., kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ kiểm kê vật tư, tài sản tiền vốn, khối lượng dở dang tại thời điểm 31/12/2010; hồ sơ công nợ phải thu, phải trả; các hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và các hồ sơ tài liệu có liên quan khác; xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành. Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

Chất lượng báo cáo tài chính:

Công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời và đúng mẫu biểu quy định của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo kế toán được lập đúng theo biểu mẫu, được gửi tới đúng đối tượng và đúng thời hạn quy định.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đến ngày 31/12/2010:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Số tiền
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN		359.380.483
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10 ³ đ	36.196.879
2	Phải thu khách hàng	10 ³ đ	110.044.606
3	Trả trước cho người bán	10 ³ đ	12.377.885
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	10 ³ đ	116.503.394
5	Hàng tồn kho	10 ³ đ	71.374.056
6	Tài sản ngắn hạn khác	10 ³ đ	12.883.661
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	10 ³ đ	152.745.009
1	Tài sản cố định	10 ³ đ	51.301.633
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10 ³ đ	92.627.300
3	Tài sản dài hạn khác	10 ³ đ	8.816.076
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10 ³ đ	512.125.493
IV	NỢ PHẢI TRẢ	10 ³ đ	386.811.261
1	Nợ ngắn hạn	10 ³ đ	365.865.000
2	Nợ dài hạn	10 ³ đ	20.946.260
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	10 ³ đ	125.314.231
1	Vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	125.314.231
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	10 ³ đ	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Số tiền
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10 ³ đ	512.125.493

Tổng tài sản đến 31/12/2010: 512,1 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 359,3 tỷ chiếm 70,16%; Tài sản dài hạn là 152,74 tỷ đồng chiếm 29,84%. Trong tài sản ngắn hạn, công nợ phải thu chiếm tỷ trọng cao nhất 70,07%, hàng tồn kho chiếm 19,86%, tiền và các khoản tương đương tiền chỉ chiếm 10,07%. Trong tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm 33,59% các khoản đầu tư tài chính dài hạn 60,64%; trong các khoản đầu tư tài chính dài hạn có 72,94 tỷ/92,62 tỷ công ty đầu tư vào công ty con - xây dựng 2 dự án thủy điện nhỏ, điều này chứng tỏ chiến lược đầu tư của công ty hoàn toàn đúng đắn, luôn tập trung vào ngành nghề cốt lõi tạo sự phát triển bền vững.

Tại thời điểm 31/12/2010 tổng tài sản của Công ty tăng 40 tỷ đồng (tương đương 8,4%) so với thời điểm ngày 01/01/2010.

Các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2010 giảm so với đầu năm 40 tỷ (*tương đương 26%*); hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2010 giảm so với đầu năm 109 tỷ (*tương đương 60,5%*) các chỉ tiêu này giảm so với đầu năm là do trong năm Công ty đã thành lập công ty cổ phần SOMECO Hoà Bình và đã tiến hành bàn giao tài chính. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2010 tăng so với đầu năm 23,4 tỷ (*tương đương 195%*) so với các chỉ tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu trong năm 2010 thì ta thấy rằng công tác nghiệm thu thanh toán KLXLHT và thu tiền bán hàng đã làm tốt.

Tại thời điểm 31/12/2010; hệ số thanh toán nợ của công ty là 1,32 (*tăng 0,12 so với đầu năm*) điều này thể hiện các khoản nợ của Công ty đều có tài sản đảm bảo; hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,98 lần (*tăng 0,02 so với đầu năm*).

Tổng nguồn vốn đến thời điểm 31/12/10: 512,1 tỷ trong đó nợ phải trả 386,8 tỷ chiếm 75,5%, vốn chủ sở hữu 125,3 tỷ chiếm 24,5% (*tăng 10% so với đầu năm*).

Hệ số nợ trên vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/10 là 5,52 lần (*giảm 44% so với đầu năm*), trên vốn chủ sở hữu là 3,08 lần (*giảm 41% so với đầu năm*) điều này cho thấy rằng không có tiềm ẩn rủi ro về tài chính.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát thì báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh tình hình tài chính của Công ty cổ phần SOMECO Sông Đà tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình thực hiện đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010; phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN:**1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn CP của Công ty CP Someco Sông Đà:****Tập đoàn Sông Đà**

Tập đoàn Sông Đà có trụ sở tại toà nhà G10, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/04/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Sông Đà:

- Thực hiện nhiệm vụ SXKD xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông thuỷ lợi, thuỷ điện, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện; kinh doanh phát triển nhà; tư vấn xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng và các ngành nghề kinh doanh khác theo Quy định của pháp luật;
- Quản lý, vận hành, khai thác nhà máy thuỷ điện;
- Quản lý, vận hành, hệ thống truyền tải điện; bán điện;
- Đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng;
- Khai thác nguyên nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng, xuất, nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, thành phẩm xi măng và các vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất xi măng;
- Thiết kế và thi công các công trình giao thông từ nhóm C đến nhóm B;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và các sản phẩm cơ khí xây dựng;
- Thiết kế hệ thống cấp điện cho máy móc thiết bị; thiết kế điện chiếu sáng cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn giám sát xây dựng;
- Chế biến và kinh doanh than mỏ;
- Xây lắp: xây dựng và tổng thầu xây dựng các công trình thuỷ điện, thuỷ lợi, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng), các công trình ngầm, công trình công nghiệp dân dụng; xây lắp đồng bộ các hệ thống đường dây đến năm 500 KV và trạm cao, trung, hạ thế, các hệ thống điện công nghiệp và dân dụng; lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ của công trình công nghiệp, thuỷ điện;

- Sản xuất công nghiệp: sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm, xi măng, sắt thép, may mặc và các sản phẩm công nghiệp, dân dụng khác; chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện, thủy lợi và các kết cấu cơ khí xây dựng;
- Tư vấn đầu tư các dự án (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật);
- Khảo sát xây dựng;
- Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thí nghiệm chuyên ngành các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; quản lý dự án các công trình thủy điện, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đầu tư phát triển, kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, sản phẩm công nghiệp, xuất khẩu lao động;
- Vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm các thiết bị siêu trường, siêu trọng và các sản phẩm hàng hoá khác;
- Tổ chức đào tạo và kinh doanh các dịch vụ đào tạo (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư xây dựng quản lý và vận hành các công trình năng lượng điện;
- Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Đăng ký kinh doanh bất động sản;
- Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền;
- Thi công và xử lý nền móng công trình
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

2.1. Công ty CP Năng lượng SOMEKO 1 (Someco 1 Power Joint Stock Company)

- Trụ sở chính: Bản Đông Mác, xã Quý Hoà, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4900262326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/09/2010.
- Vốn điều lệ: 94.000.000.000 đồng (Chín mươi tư tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty CP Someco Sông Đà: 52.640.000.000 đồng, chiếm 56% vốn điều lệ Công ty CP Năng lượng Someco 1.

- Công ty đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Bắc Giang 1 tại thôn Khuổi Ngành, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn với công suất 14MW.

2.2. Công ty cổ phần Someco Hà Giang (Ha Giang Someco Joint Stock Company)

- Trụ sở chính: Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, Huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5100199853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 31/07/2010.
- Vốn điều lệ: 54.000.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty CP Someco Sông Đà: 32.400.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.
- Công ty đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 tại huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang với công suất 5,1MW.

2.3. Công ty cổ phần Someco Hoà Bình (Hoa Binh Someco Joint Stock Company)

- Trụ sở chính: Đường Lê Thánh Tông, Phường Hữu Nghị, TP Hoà Bình, tỉnh Hoà bình.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5400351298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty CP Someco Sông Đà: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.

2.4. Công ty TNHH Một Thành Viên Kỹ thuật Công nghệ Someco (Someco Technology Limited Company)

- Trụ sở chính: Số 14, lô 1C Trung Yên, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0104755407 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty CP Someco Sông Đà: 5.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

2.5. Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Thiết kế Someco (SOMEKO DESIGN CONSULTANCY ONE MEMBER COMPANY LIMITED)

- Trụ sở chính: Phòng 1004, Tầng 10, Toà nhà CT4, KĐT Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, HN.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0104835162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hòa Bình cấp ngày 05 tháng 08 năm 2010
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty CP Someco Sông Đà: 5.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Công ty cổ phần Someco Sông Đà có trụ sở tại Hà Nội, 02 chi nhánh của Công ty: Chi nhánh tại Quảng Ninh và Chi nhánh tại Miền Trung.

+ Văn phòng cơ quan Công ty:

Địa chỉ: Số 47 Ngõ 115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3783.2397

Fax: 04 3783.2398

+ Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh:

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Huyện Hoành Bồ, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 033 32699503

, Fax: 033 32699503

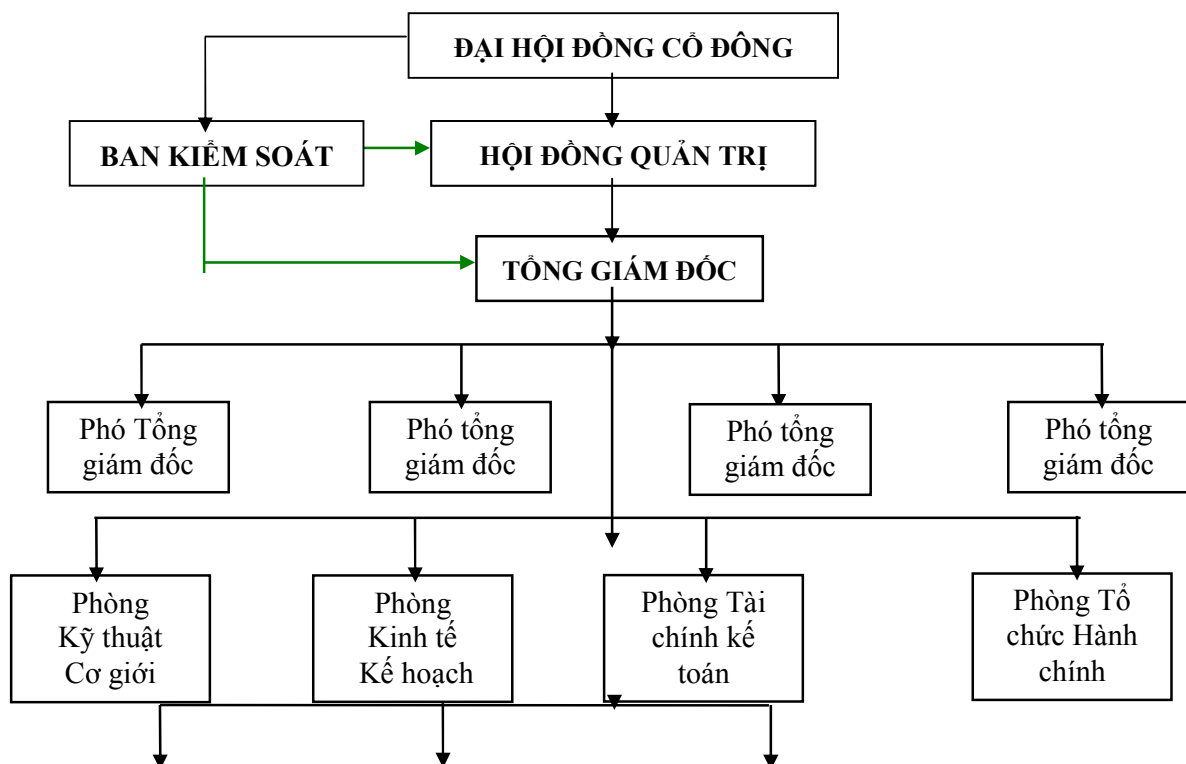
+ Chi nhánh Công ty tại Miền Trung:

Địa chỉ: Số 61 Nguyễn Văn Cừ, P. Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113.845.903

, Fax: 05113.845.903

Cơ cấu tổ chức của Công ty



Văn phòng cơ
quan công ty

Chi nhánh tại
Miền Trung

Chi nhánh tại
Quảng Ninh

1.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên:

- Ông Nguyễn Anh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Thanh Sơn - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Hồng Phong - Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Ngọc Anh - Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ
- Ông Phạm Văn Thương - Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ

1.1.1. Ông Nguyễn Anh – Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 13/04/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Văn Mỗ - Quận Hà Đông – TP Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, thạc sĩ quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 16.700 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà (theo công văn 143 TCT/HĐQT ngày 24/03/2010 của HĐQT Tập đoàn Sông Đà) : 1.820.000 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.1.2. Ông Trần Thanh Sơn - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 31/10/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Khu TT ô tô, xã Kiến Hưng, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 30.261 cổ phần, chiếm 0,43% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà (theo công văn 143 TCT/HĐQT ngày 24/03/2010 của HĐQT Tập đoàn Sông Đà): 700.000 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.1.3. Ông Nguyễn Hồng Phong - Ủy viên HĐQT

Ngày sinh: 19/05/1954

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Lô 56 TT4 KĐT Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn Sông Đà – Ủy
HDQT Công ty

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn
điều lệ Công ty.

- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà: 700.000 cổ phần.

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.1.4. Ông Phạm Ngọc Anh - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tài chính

Ngày sinh: 22/07/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P301, toà nhà 11 tầng, 130 Đốc Ngừ, Ba Đình, Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 35.950 cổ phần, chiếm
0,51% vốn điều lệ Công ty.

- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà: 0 cổ phần

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.1.5. Ông Phạm Văn Thường - Phó Tổng giám đốc kinh tế

Ngày sinh: 11/01/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện nay: Phó tổng giám đốc kinh tế của Công ty

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 13.027 cổ phần, chiếm
0,19% vốn điều lệ Công ty.

- Số cổ phần đại diện: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.2 Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên:

- Ông Vũ Đức Quang - Trưởng ban
- Ông Lê Văn Lâm - Thành viên
- Bà Phạm Thị Canh - Thành viên

1.2.1. Ông Vũ Đức Quang - Trưởng ban

Ngày sinh: 20/08/1967

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 605, Chung cư 27 Huỳnh Thúc Kháng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Ban quản lý tòa nhà HH4 Mỹ Đình-Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Someco Sông Đà.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà (theo công văn 143 TCT/HĐQT ngày 24/03/2010 của HĐQT Tập đoàn Sông Đà): 350.000 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.2.2. Ông Lê Văn Lâm – Thành viên

Ngày sinh: 01/09/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Thôn Nhân Mỹ, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS, Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân đến ngày 04/03/2011: 253 cổ phần, chiếm 0,0036% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà: 0 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.2.3. Bà Phạm Thị Canh – Thành viên

Ngày sinh: 15/01/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 804 – Tòa nhà Cienco1 đường Hoàng Đạo Thuý – P. Nhân Hoà – Q.Thanh Xuân – TP Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Chức vụ công tác: Phó kế toán trưởng Công ty, thành viên ban kiểm soát Công ty

- Số cổ phần sở hữu cá nhân đến ngày 04/03/2011: 4.544 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của Tập đoàn Sông Đà: 0 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.3 Ban Tổng giám đốc

Ban điều hành Công ty gồm các thành viên sau:

- Ông Trần Thanh Sơn - Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Đức Doanh - Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Văn Thường - Phó Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Ngọc Anh - Phó Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT

1.3.1. Ông Trần Thanh Sơn – Tổng giám đốc, UVHĐQT (Xin xem phần Hội đồng quản trị)

1.3.2. Ông Nguyễn Đức Doanh – Phó Tổng giám đốc kỹ thuật

Ngày sinh : 28/06/1973

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân đến ngày 04/03/2011: 35.098 cổ phần, chiếm 0,50% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện của TCT Sông Đà: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.3.3. Ông Phạm Văn Thường - Phó Tổng giám đốc kinh tế ((Xin xem phần HĐQT)

Ngày sinh: 11/01/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện nay: Phó tổng giám đốc kinh tế của Công ty

- Số cổ phần sở hữu cá nhân chốt đến ngày 04/03/2011 (bao gồm cả phần chứng khoán mua thêm do phát hành cho cổ đông hiện hữu đợt tăng vốn 30 tỷ): 13.027 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

1.3.4. Ông Phạm Ngọc Anh - Phó Tổng giám đốc Tài chính (Xin xem phần HĐQT)

2. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 10/04/2010 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã nhất trí bầu Ông Nguyễn Anh – Tổng giám đốc Công ty, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty thay Ông Nguyễn Doãn Hành; Ông Phạm Văn Thường – Phó Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị.

3. Thay đổi thành viên Ban điều hành

Ngày 10/04/2010 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã nhất trí bầu Ông Ông Trần Thanh Sơn – Phó tổng giám đốc Công ty, ủy viên HĐQT Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty thay Ông Nguyễn Anh

4. Thay đổi Ban kiểm soát:

Trong năm 2010 không có sự thay đổi nhân sự Ban kiểm soát Công ty

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

- Tổng số CBCNV tại thời điểm 31/12/2010 là 1.333 người, trong đó:
 - + Lao động trình độ Đại học và trên Đại học là 457 người chiếm 34,5%.
 - + Lao động trình độ Cao đẳng và Trung cấp: 101 người, chiếm 7,5%.
 - + Lao động có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 775 người, chiếm 58% tổng số CBCNV.

- Chính sách đối với người lao động:

Tất cả người lao động làm việc tại Công ty CP Someco Sông Đà đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của Bộ luật lao động như: BHXH, BHYT, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ cho lao động nữ.

Mức lương bình quân năm 2010 là 4,37 triệu đồng/người/tháng, đạt 107% kế hoạch năm.

Công ty còn tạo điều kiện và khuyến khích người lao động học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để công tác đạt hiệu quả cao. Hàng năm Công ty đều có dự toán chi cho đào tạo, đào tạo lại và nâng cao tay nghề cho CBCNV Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- * Hội đồng quản trị Công ty: Gồm 01 Chủ tịch và 04 Ủy viên.
- * Các tiểu ban trong HĐQT: Cơ cấu của HĐQT chưa có các tiểu ban nhưng HĐQT đã phân công mỗi thành viên HĐQT phụ trách một lĩnh vực phù hợp với chuyên môn của mình để đưa ra những ý kiến chính xác và hiệu quả hơn, giúp HĐQT có những quyết định đúng đắn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
- * Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên BKS: Theo biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 thì lương và thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2010 như sau:

Tổng thù lao đã chi trả HĐQT và ban kiểm soát năm 2010 là: 720.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đ x 12 tháng x 1 người = 120.000.000 đồng
- Các TV HĐQT + Trưởng BKS: 8.000.000 đ x 12 tháng x 5 người = 480.000.000 đồng
- Thành viên BKS: 5.000.000 đ x 12 tháng x 2 người = 120.000.000 đồng

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT tính đến ngày 04/03/2011**

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ sở hữu/VĐL 70 tỷ (%)
		Cá nhân	Đại diện của Tập đoàn Sông Đà	Tổng cộng	
Nguyễn Anh	Ch.tịch	16.700	1.820.000	1.836.700	26,24
Trần Thanh Sơn	Ủy viên	30.261	700.000	730.261	10,43
Phạm Văn Thương	Ủy viên	12.527		12.527	0,18
Phạm Ngọc Anh	Ủy viên	35.950		35.950	0,51
Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên		700.000	700.000	10
Tổng cộng		95.438	3.220.000	3.315.438	47,36

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban kiểm soát Công ty tính đến ngày 04/03/2011**

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ sở hữu/VĐL 70 tỷ (%)
		Cá nhân	Đại diện	Tổng cộng	
Vũ Đức Quang	Trưởng ban		350.000	350.000	5,00
Lê Văn Lâm	Thành viên	253		253	0,0036
Phạm Thị Canh	Thành viên	4.544		4.544	0,06
Tổng cộng		4.797	350.000	354.797	5,0636

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1 Cổ đông trong nước

- *Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước (Xác định đến ngày chốt danh sách cổ đông 04/03/2011)*

STT	Danh mục	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)/VDL 70 tỷ đồng
1	Cổ đông Nhà nước	3.570.000	35.700.000.000	51
2	Cổ đông đặc biệt	118.433	1.184.330.000	1,69
	- Hội đồng quản trị	95.438	1.423.060.000	2,03
	- Ban Tổng giám đốc	18.198	181.980.000	0,26
	- Ban kiểm soát	4.797	47.970.000	0,07
3	Cổ đông trong Công ty	385.481	3.854.810.000	5,5
	- Cán bộ CNV Công ty	385.481	3.854.810.000	5,5
4	Cổ đông ngoài Công ty	2.835.472	28.354.720.000	40,51
	Tổng cộng	6.909.386	69.093.860.000	98,7

2.2 Cổ đông nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài (Xác định đến ngày chốt danh sách cổ đông 04/03/2011)

STT	Danh mục	Số lượng (CP)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông cá nhân nước ngoài	67.364	673.640.000	0.96
2	Cổ đông tổ chức nước ngoài	23.250	232.500.000	0,34
	Tổng cộng	90.614	906.140.000	1.3

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC